

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng của kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Hoạt động của các đại lý làm thủ tục hải quan, các đại lý vận tải hàng hóa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật);
- Dịch vụ xếp dỡ, vận tải container, dịch vụ kiểm đếm hàng hóa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh, dịch vụ đại lý tàu biển.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng

5. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	Cảng Tân Cảng - Cát Lái, số 1295A, đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh	Vận tải hàng hóa; Cho thuê kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Dịch vụ đóng gói.	57,50%	57,50%	57,50%
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực ⁽¹⁾	Số 938A13 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh	Bốc xếp hàng hóa; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.	36,00%	36,00%	36,00%

- ⁽¹⁾ Mặc dù tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực ít hơn 50% nhưng theo thỏa thuận của các cổ đông quy định trong điều lệ, Công ty có quyền bổ nhiệm hoặc bãi miễn đa số các thành viên Hội đồng quản trị của Công ty này. Do vậy Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực bị Công ty kiểm soát và khoản đầu tư vào Công ty này được trình bày ở khoản mục "Đầu tư vào công ty con" trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 464 nhân viên đang làm việc (Số đầu năm là 409 nhân viên).

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội – Chi nhánh An Phú (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội – Chi nhánh An Phú (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính giữa niên độ hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính giữa niên độ hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc nguyên vật liệu tồn kho: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ dụng cụ và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 05
Tài sản cố định khác	3 - 10

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm máy tính.

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	210.653.262	456.424.378
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.557.240.966	3.481.346.065
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	136.000.000.000	121.000.000.000
Cộng	137.767.894.228	124.937.770.443

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư vào Công ty con				
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái ⁽ⁱ⁾	2.300.000	23.000.000.000	2.300.000	23.000.000.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực ⁽ⁱⁱ⁾	108.000	1.080.000.000	108.000	1.080.000.000
Cộng		24.080.000.000		24.080.000.000

⁽ⁱ⁾ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 ngày 07 tháng 08 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái 23.000.000.000 VND tương đương 57,50% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty đã góp đủ số vốn cam kết.

⁽ⁱⁱ⁾ Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310959597 đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 26 tháng 7 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực 1.080.000.000 VND tương đương 36% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty đã góp đủ số vốn cam kết.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con

Các công ty con đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với kỳ trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giao dịch với các công ty con

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Công ty Cổ phần Tiếp Vận Cát Lái		
<i>Cung cấp dịch vụ cho Công ty con</i>	700.862.517	337.965.726
<i>Sử dụng dịch vụ của Công ty con</i>	27.681.876.878	19.890.127.616
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực		
<i>Cung cấp dịch vụ cho Công ty con</i>	1.264.081.600	2.140.911.600
<i>Sử dụng dịch vụ của Công ty con</i>	167.783.400	
<i>Bán vật tư cho công ty con</i>		605.000.000
<i>Cổ tức được chia từ Công ty con</i>	2.948.000.000	

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	40.516.645.026	49.053.429.435
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	36.410.090.176	31.145.130.478
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	183.596.542	140.050.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	395.659.000	445.427.600
Công ty Cổ phần Tân Cảng Tây Ninh	67.420.000	
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	4.712.400	629.200
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng		
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	3.008.202.000	397.717.725
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Sóng Thần	3.299.999	
Cty Cổ Phần TM & DV Container Lạnh Tân Cảng	391.610.909	
Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng		6.050.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	8.054.000	7.393.650
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Long Bình	38.500.000	13.200.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng – Vũng Tàu	5.500.000	
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	44.793.564.412	28.892.464.719
Cộng	85.310.209.438	61.048.063.372

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho bên liên quan</i>	674.259.515	464.700.000
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	16.960.324	464.700.000
Công Ty TNHH MTV XD Công Trình Tân Cảng	657.299.191	
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>	423.240.057	3.642.898.427
Công ty Cổ phần Thương mại Nguyễn Kim		3.348.000.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Tân Thanh		186.000.000
Cơ sở chế biến gỗ Thành Long	256.500.000	
Công ty TNHH A.D.A	68.616.000	
Công ty Cổ phần Chứng khoán MB - Chi nhánh Hồ Chí Minh		8.709.677
Các nhà cung cấp khác	98.124.057	100.188.750
Cộng	1.097.499.572	4.107.598.427

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan về các khoản chi hộ</i>	<i>40.520.758</i>		<i>293.178.742</i>	
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	1.537.600		241.666.000	
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	38.087.158		51.062.742	
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng				
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai				
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Long Bình			450.000	
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần	896.000			
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>5.550.252.056</i>		<i>1.357.938.733</i>	
Phải thu BHXH, BHYT, BHTN	88.749.040		12.647.521	
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn			526.122.222	
Tạm ứng	4.257.588.241		672.092.778	
Ký cược, ký quỹ	250.000.000		30.000.000	
Các khoản khác	953.914.775		117.076.212	
Cộng	5.381.293.572		1.651.117.475	

6. Nợ xấu

Nợ xấu là khoản phải thu tiền cung cấp dịch vụ của Công ty TNHH Asian Groupage Services Việt Nam, đã có thời gian quá hạn trên 3 năm, giá gốc 129.156.004 VND, giá trị có thể thu hồi 0 VND.

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	129.156.004	129.156.004
Trích lập dự phòng bổ sung		
Hoàn nhập dự phòng		
Số cuối kỳ	129.156.004	129.156.004

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.418.874.469		1.567.467.472	

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ	336.738.856	383.563.884

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sửa chữa tài sản	188.427.210	990.661.543
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.707.565.022	1.715.981.672
Cộng	<u>2.232.731.088</u>	<u>3.090.207.099</u>

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	525.062.205	651.587.368
Chi phí sửa chữa tài sản	6.343.376.168	7.873.074.113
Các chi phí trả trước dài hạn khác	664.317.975	663.605.734
Cộng	<u>7.532.756.348</u>	<u>9.188.267.215</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	134.092.171.909	162.635.462.584	91.203.382.349	4.810.501.268	39.635.631.160	432.377.149.270
Mua trong năm		832.986.000	12.343.983.142		1.179.272.725	14.356.241.867
Đầu tư XD/CB hoàn thành	11.038.594.050					11.038.594.050
Giam khác	(1.052.090.173)				(15.418.476)	(1.067.508.649)
Số cuối kỳ	144.078.675.786	163.468.448.584	103.547.365.493	4.810.501.268	40.799.485.409	456.704.476.538
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		56.260.586.347	5.454.495.363	3.092.814.147	1.155.497.704	65.963.393.561
Chờ thanh lý						
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	34.027.576.259	90.926.019.559	38.106.127.910	4.027.180.626	10.522.836.772	177.609.741.126
Khấu hao trong năm	7.923.176.984	11.421.730.629	10.358.062.196	429.421.783	5.779.705.015	35.912.096.607
Số cuối kỳ	41.950.753.243	102.347.750.188	48.464.190.106	4.456.602.409	16.302.541.787	213.521.837.733
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	100.064.595.650	71.709.443.025	53.097.254.439	783.320.642	29.112.794.388	254.767.408.144
Số cuối kỳ	102.127.922.543	61.120.698.396	55.083.175.387	353.898.859	24.496.943.622	243.182.638.805
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng						
Đang chờ thanh lý						

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 185.622.508.665 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh An Phú.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

Là phần mềm máy vi tính.

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	2.149.631.800	(588.962.976)	1.560.668.824
Tăng do mua sắm trong năm	1.549.000.000		1.549.000.000
Khấu hao trong năm		(534.812.790)	(534.812.790)
Số cuối kỳ	3.698.631.800	(1.123.775.766)	2.574.856.034

Một số tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng có nguyên giá là 92.395.000 VND.

11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

11a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ là chi phí chưa có hóa đơn, chứng từ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	1.218.163.804	698.968.611
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(547.982.551)	(64.391.364)
<i>Phát sinh trong năm</i>	<i>670.181.253</i>	<i>634.577.247</i>
<i>Hoàn nhập trong năm</i>	<i>(1.218.163.804)</i>	<i>(698.968.611)</i>
Số cuối kỳ	670.181.253	634.577.247

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20% (kỳ trước thuế suất là 20%).

11b. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ là Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ do phát sinh nhỏ.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

12. Phải trả người bán ngắn hạn

12a. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>36.356.651.532</i>	<i>24.301.317.991</i>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	23.809.492.250	10.359.426.009
Công ty Cổ phần Tiếp Vận Cát Lái	5.434.379.546	5.234.289.280
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Hiệp Lực	75.572.640	41.795.820
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	848.598.520	218.105.030
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Sóng Thần	566.935.490	1.025.113.650
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	2.395.023.663	2.741.208.505
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	114.101.600	290.585.181
Công ty Cổ phần Vận tải Thuyền Tân Cảng	101.765.961	188.139.996
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	762.678.352	1.561.977.070
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng		325.890.420
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	643.135.350	1.041.798.450
Công ty TNHH Phát triển nguồn Nhân lực Tân Cảng - STC		215.300.000
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Tân Cảng	1.196.085.510	719.745.380
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Container Lạnh Tân Cảng		38.316.300
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai		5.400.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Hiệp Phước	117.645.000	71.573.700
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	177.497.650	222.653.200
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương		
Công ty Cổ phần DIC Tân Cảng - Cái Mép	113.740.000	
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>10.968.817.983</i>	<i>14.121.033.739</i>
Công ty Cổ phần Thương mại Việt Toàn Cầu		4.538.547.000
Các nhà cung cấp khác	13.996.046.960	9.582.486.739
Cộng	50.352.698.492	38.422.351.730

12b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	964.101.269		18.765.120.227	(17.354.261.981)	2.374.959.515	
Thuế GTGT hàng nhập khẩu			1.104.445.800	(1.104.445.800)		
Thuế nhập khẩu						
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.365.662.261		10.815.456.597	(12.165.662.261)	4.015.456.597	
Thuế thu nhập cá nhân	628.835.159		2.611.616.035	(3.184.930.924)	55.520.270	
Thuế nhà thầu nước ngoài			102.153.960	(102.153.960)		
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác			3.000.000	(3.000.000)		
Cộng	6.958.598.689		33.401.792.619	(33.914.454.926)	6.445.936.382	

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	58.290.813.058	53.660.837.553
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(4.213.530.075)	1.064.715.077
- Các khoản điều chỉnh tăng	4.825.288.945	4.559.558.132
<i>Chi phí không hợp lý hợp lệ</i>	<i>1.466.799.517</i>	<i>1.386.266.060</i>
<i>Chi phí trích trước chưa có hóa đơn chứng từ</i>	<i>3.350.906.263</i>	<i>3.172.886.237</i>
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá kỳ trước</i>	<i>7.582.415</i>	<i>196.224</i>
<i>Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của tiền</i>	<i>750</i>	<i>209.611</i>
- Các khoản điều chỉnh giảm	(6.090.819.020)	(3.494.843.055)
<i>Chi phí trích trước kỳ trước kỳ này đã có hóa đơn chứng từ</i>	<i>(6.090.819.020)</i>	<i>(3.494.843.055)</i>
Thu nhập chịu thuế	57.025.282.983	54.725.552.630
Thu nhập được miễn thuế	(2.948.000.000)	
Thu nhập tính thuế	54.077.282.983	54.725.552.630
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	10.815.456.597	10.945.110.526

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	4.359.216.245	184.362.750
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn (TCT)	4.359.216.245	
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng - Chi phí xếp dỡ		184.362.750
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Sóng Thần - Chi phí xếp dỡ		
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	1.450.415.938	4.850.456.270
Chi phí lãi vay	823.993.870	
Chi phí bốc xếp, vận chuyển	365.266.500	354.693.000
Chi phí thuê kho		195.000.000
Chi phí hoa hồng	90.505.568	
Chi phí cho người lao động		4.158.336.364
Các chi phí khác	170.650.000	142.426.906
Cộng	<u>5.809.632.183</u>	<u>5.034.819.020</u>

15. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

15a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn – Cổ tức phải trả		
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	4.703.931.770	4.903.562.166
Kinh phí công đoàn	641.641.761	539.798.141
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế	974.750.530	1.294.966.679
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	152.330.000	165.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.506.416.750	1.787.740.895
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.428.792.729	1.116.056.451
Cộng	<u>4.703.931.770</u>	<u>4.903.562.166</u>

15b. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

15c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

16a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Công ty chỉ có khoản vay dài hạn đến hạn trả Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú. (xem thuyết minh V.16b).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	25.020.078.720	21.515.644.898
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	16.511.079.860	13.787.280.454
Số tiền vay đã trả	<u>(20.338.081.040)</u>	<u>(16.831.500.438)</u>
Số cuối kỳ	<u>21.193.077.540</u>	<u>18.471.424.914</u>

16b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Công ty chỉ có khoản vay dài hạn phải trả Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú theo các hợp đồng vay trong năm 2014, 2015, 2016 để xây dựng tòa nhà văn phòng, xây dựng kho CFS tại Cảng Cát Lái, mua sắm các tài sản cố định. Thời hạn vay từ 5 năm đến 10 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên của hợp đồng vay. Lãi suất từ 7,9% đến 9,2%. Tài sản đảm bảo là các tài sản cố định hình thành từ khoản vay (xem thuyết minh số V.9) và Quyền khai thác lô đất theo Hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng số 1989/KHKT-TC ngày 19 tháng 10 năm 2010 và phụ lục số 04-1989/PLHD ngày 15 tháng 3 năm 2014 - Thuê đất xây dựng kho ký giữa Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng và Công ty TNHH Một thành viên Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn đến năm 2025, quyền khai thác dự án kho CFS hình thành từ vốn vay và vốn tự có và toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	21.193.077.540	25.020.078.720
Trên 1 năm đến 5 năm	91.184.155.813	83.615.905.767
Trên 5 năm	<u>15.629.946.454</u>	<u>21.331.229.360</u>
Cộng	<u>128.007.179.807</u>	<u>129.967.213.847</u>

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn như sau:

Số đầu năm	104.947.135.127
Số tiền vay phát sinh	18.378.047.000
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	<u>(16.511.079.860)</u>
Số cuối kỳ	<u>106.814.102.267</u>

16c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	2.822.646.733	2.413.118.695	(2.058.000.000)	3.177.765.428
Quỹ phúc lợi	4.082.832.574	4.692.737.392	(4.186.400.000)	4.589.169.966
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	500.000.000	317.911.363	817.911.363	
Cộng	7.405.479.307	7.423.767.450	(5.426.488.637)	7.766.935.394

18. Vốn chủ sở hữu

18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	149.982.580.000	26.808.474.240	66.774.330.958	243.565.385.198
Lợi nhuận trong kỳ trước			28.245.792.717	28.245.792.717
Trích lập các quỹ trong kỳ		2.824.579.272	(7.061.448.180)	(4.236.868.908)
Chia cổ tức			(22.497.387.000)	(22.497.387.000)
Số dư cuối kỳ trước	149.982.580.000	29.633.053.512	65.461.288.495	245.076.922.007
Số dư đầu năm nay	149.982.580.000	32.497.387.700	86.443.794.906	268.923.762.606
Lợi nhuận trong kỳ này			46.927.373.910	46.927.373.910
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm trước			(317.911.363)	(317.911.363)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận kỳ này		4.692.737.392	(11.731.843.479)	(7.039.106.087)
Chia cổ tức			(26.996.864.400)	(26.996.864.400)
Số dư cuối kỳ này	149.982.580.000	37.190.125.092	94.324.549.574	281.497.254.666

18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	88.500.000.000	88.500.000.000
Các cổ đông khác	61.482.580.000	61.482.580.000
Cộng	149.982.580.000	149.982.580.000

18c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	14.998.258	14.998.258
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	14.998.258	14.998.258
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	14.998.258	14.998.258

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

18d. Phân phối lợi nhuận

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 số 2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 6 năm 2017 như sau:

	VND
Phân phối từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2016	
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 26.996.864.400
• Trích quỹ thưởng ban điều hành	: 317.911.363
Tạm phân phối lợi nhuận sau thuế 9 tháng đầu năm 2017	
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 4.692.737.392
• Trích quỹ khen thưởng	: 2.346.368.695
• Trích quỹ phúc lợi	: 4.692.737.392

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 50 USD (Số đầu năm là 17.430,84 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa		265.500.000
Doanh thu dịch vụ bốc xếp	340.647.711.800	309.794.878.833
Doanh thu các dịch vụ khác	59.249.097.990	36.742.637.095
Cộng	399.896.809.790	346.803.015.928

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.2, Công ty còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	143.302.999.783	136.986.605.564
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	11.370.560.261	2.285.672.956
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	88.827.273	
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng		311.500.000
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	75.518.045	3.139.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Cái Mép	7.272.727	
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái	44.850.000	
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần	20.569.455	

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	18.634.318	
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Tây Ninh	75.790.909	
Công ty Cổ phần Tiếp Vận Tân Cảng Vũng Tàu	22.318.182	
Công ty Cổ phần Tiếp Vận Tân Cảng Đồng Nai	19.600.000	
Công ty Cổ phần Tiếp Vận Tân Cảng Long Bình	56.500.000	328.118.182
Cty Cổ phần TM&DV Container lạnh Tân Cảng	356.009.917	

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán hàng hóa		265.500.000
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	312.420.578.074	258.877.650.806
Cộng	312.420.578.074	259.143.150.806

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.733.596.025	2.790.660.893
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	49.683.568	43.046.335
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.948.000.000	
Cộng	6.731.279.593	2.833.707.228

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	8.922.361.186	9.289.230.997
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	30.215.676	2.922.561
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	750	285.217
Cộng	8.952.577.612	6.123.159.957

5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.274.240.166	785.995.787
Các chi phí khác	2.213.282.003	2.550.710.680
Cộng	3.487.522.169	3.336.706.467

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	9.136.794.869	10.475.722.428
Chi phí vật liệu quản lý	418.285.251	287.426.785
Chi phí đồ dùng văn phòng	539.177.344	900.103.213
Chi phí khấu hao tài sản cố định	903.650.632	733.542.911
Thuế, phí và lệ phí	153.550.390	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.753.952.950	4.084.768.061
Chi phí bằng tiền khác	7.755.167.182	7.624.719.657
Cộng	23.660.578.618	24.109.283.055

7. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền thanh lý phế liệu		605.000.000
Thu tiền phạt nhiên liệu đội cơ giới	523.698.923	266.858.827
Thu tiền bán hồ sơ thầu	10.909.092	4.545.455
Thu tiền thanh lý tài sản cố định		53.000.000
Thu nhập khác	912.021	15.001.265
Cộng	535.520.036	944.405.547

8. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí phạt thuế		343.485.301
Chi phí phải trả thưởng nhiên liệu	316.292.818	442.926.256
Chi phí bồi thường tổn thất hàng hóa	32.223.473	252.296.691
Chi phí khác	3.023.597	3.799
Cộng	351.539.888	1.038.712.047

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(670.181.253)	(634.577.247)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1.218.163.804	698.968.611
Cộng	547.982.551	64.391.364

10. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	27.827.937.135	15.840.256.695
Chi phí nhân công	91.490.758.769	95.519.546.251
Chi phí khấu hao tài sản cố định	36.446.909.397	38.253.624.682
Chi phí dịch vụ mua ngoài	160.421.141.079	122.006.234.363
Chi phí khác	23.381.932.481	14.703.978.337
Cộng	339.568.678.861	286.323.640.328

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Kỳ này	Kỳ trước
Tiền lương	1.456.668.979	1.499.057.721
Tiền thưởng	253.631.787	422.451.578
Cộng	1.710.300.766	1.921.509.299

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tiếp Vận Cát Lái	Công ty con
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	Công ty con
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Cái Mép	Công ty cùng Tập đoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Bên liên quan khác

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Phước	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng - Cái Mép	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Phát triển Nguồn Nhân lực Tân Cảng - STC	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần DIC Tân Cảng – Cái Mép	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng- Long Bình	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Container Lạnh Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Hiệp Phước	Công ty cùng Tập đoàn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2 cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn		
<i>Công ty mẹ cung cấp dịch vụ</i>	5.916.994.837	5.795.241.818
<i>Công ty mẹ cho thuê Cơ sở hạ tầng</i>	11.250.000.000	11.250.000.000
<i>Công ty mẹ cho thuê phương tiện vận tải</i>	1.332.000.000	1.184.000.000
<i>Công ty mẹ cung cấp điện, nước</i>	1.631.044.294	1.836.605.234
<i>Chia cổ tức cho Công ty mẹ</i>	15.930.000.000	13.275.000.000
Mua hàng và sử dụng dịch vụ của các bên liên quan khác như sau:		
Công ty Cổ phần Dịch Kỹ thuật Tân Cảng	9.966.396.246	7.316.850.437
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Long Bình	2.866.241.260	3.245.887.800
Công ty Cổ phần Giải Pháp Công Nghệ Thông Tin Tân Cảng	3.984.860.200	5.389.759.612
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Container Lạnh Tân Cảng		
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	296.242.650	213.646.950
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	4.638.085.777	4.251.206.350
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần	3.072.423.104	2.323.766.500
Công ty Cổ phần Tiếp Vận Tân Cảng Đồng Nai		
Công ty Cổ phần Tiếp Vận Tân Cảng Hiệp Phước	282.004.000	131.295.000
Công ty Cổ phần Tiếp Vận Tân Cảng - Bình	5.000.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Dương		
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	1.731.567.000	2.903.913.001
Công ty TNHH Phát triển nguồn Nhân Lực Tân Cảng - STC	189.996.137	186.836.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	596.365.500	
Công ty Cổ phần DIC Tân Cảng - Cái Mép	183.400.000	
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Tân Cảng	15.229.430.138	4.824.164.665
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành	4.900.000	144.350.000
Chi phí xây dựng cơ bản		
Công ty TNHH Xây dựng Công trình Tân Cảng	9.110.726.718	4.545.454.545

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2, V.3, V.4, V.5, V.12, V.14 và V.15.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

Lập, ngày 20 tháng 10 năm 2017

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hồng Liên

Kế toán trưởng

Võ Thị Xuân Lan

Giám đốc



Bùi Quang Huy

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số đầu kỳ 01/01/2017	Số cuối kỳ 30/09/2017
1	2	3	4	5
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		196.273.068.284	234.079.346.363
I.Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	124.937.770.443	137.767.894.228
1.Tiền	111		3.937.770.443	1.767.894.228
2.Các khoản tương đương tiền	112		121.000.000.000	136.000.000.000
II.Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	-	-
1.Chứng khoán kinh doanh	121			
2.Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122			
3.Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
III.Các khoản phải thu ngắn hạn	130		66.677.623.270	91.659.846.578
1.Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	61.048.063.372	85.310.209.438
2.Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	4.107.598.427	1.097.499.572
3.Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4.Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5.Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6.Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	1.651.117.475	5.381.293.572
7.Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.6	(129.156.004)	(129.156.004)
8.Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV.Hàng tồn kho	140	V.7	1.567.467.472	2.418.874.469
1.Hàng tồn kho	141		1.567.467.472	2.418.874.469
2.Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V.Tài sản ngắn hạn khác	150		3.090.207.099	2.232.731.088
1.Chỉ phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	3.090.207.099	2.232.731.088
2.Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3.Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.9		
4.Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5.Tài sản ngắn hạn khác	155			
B-TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		290.814.507.987	278.161.500.440
I.Các khoản phải thu dài hạn	210			
1.Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2.Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3.Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4.Phải thu dài hạn nội bộ	214			
5.Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6.Phải thu dài hạn khác	216			
7.Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II.Tài sản cố định	220		256.328.076.968	245.757.494.839

TÀI SẢN				
	Mã số	Thuyết minh	Số đầu kỳ 01/01/2017	Số cuối kỳ 30/09/2017
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	254.767.408.144	243.182.638.805
- Nguyên giá	222		432.377.149.270	456.704.476.538
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(177.609.741.126)	(213.521.837.733)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	1.560.668.824	2.574.856.034
- Nguyên giá	228		2.149.631.800	3.698.631.800
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(588.962.976)	(1.123.775.766)
III. Bất động sản đầu tư	230			
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	121.068.000
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	-	121.068.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		24.080.000.000	24.080.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.13	24.080.000.000	24.080.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác			10.406.431.019	8.202.937.601
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	9.188.267.215	7.532.756.348
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.15	1.218.163.804	670.181.253
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		487.087.576.271	512.240.846.803
NGUỒN VỐN				
	Mã số	Thuyết minh	Số đầu kỳ 01/01/2017	Số cuối kỳ 30/09/2017
1	2	3	4	5
A-NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		218.163.813.665	230.743.592.137
I. Nợ ngắn hạn	310		113.194.348.538	123.907.159.870
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.17	38.422.351.730	50.352.698.492
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.18		825.128
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.19	6.958.598.689	6.445.936.382
4. Phải trả người lao động	314		25.449.458.906	27.634.122.981
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.20	5.034.819.020	5.809.632.183
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.21	4.903.562.166	4.703.931.770
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	25.020.078.720	21.193.077.540
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.22	7.405.479.307	7.766.935.394
13. Quỹ bình ổn giá	323			

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số đầu kỳ 01/01/2017	Số cuối kỳ 30/09/2017
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		104.969.465.127	106.836.432.267
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả dài hạn nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337		22.330.000	22.330.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.23	104.947.135.127	106.814.102.267
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
B-VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		268.923.762.606	281.497.254.666
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.24	268.923.762.606	281.497.254.666
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		149.982.580.000	149.982.580.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		32.497.387.700	37.190.125.092
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		86.443.794.906	94.324.549.574
a. LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421A		86.443.794.906	59.129.019.143
b. LNST chưa phân phối kỳ này	421B		-	35.195.530.431
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác				
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430 = 300 + 400)	440		487.087.576.271	512.240.846.803


Ghi chú: Số liệu trong các chỉ tiêu có dấu (*) được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn ().

Ngày 20 tháng 10 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc


Nguyễn Thị Hồng Liên


Võ Thị Xuân Lan


Bùi Quang Huy

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

tại ngày 30 tháng 09 năm 2017

Đvt: đồng

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1.	Lợi nhuận trước thuế	01	58.290.813.058	53.660.837.553
2.	Điều chỉnh cho các khoản:			
-	Khấu hao tài sản cố định	02	36.446.909.397	38.253.624.682
-	Các khoản dự phòng	03		
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	750	285.217
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(6.681.596.025)	(2.828.324.992)
-	Chi phí lãi vay	06	8.922.361.186	9.289.230.997
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	96.978.488.366	98.375.653.457
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(26.159.045.530)	(4.019.779.435)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(851.406.997)	(301.818.432)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11	19.291.193.641	14.967.111.518
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12	2.512.986.878	(5.257.205.987)
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		
-	Tiền lãi vay đã trả	14	(8.098.367.316)	(9.425.637.001)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(12.165.662.261)	(9.445.705.963)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	66.750.000	156.000.000
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(7.062.311.363)	(5.837.405.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	64.512.625.418	79.211.213.157
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(29.587.399.660)	(18.016.038.720)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		53.000.000
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		
5.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(4.000.000.000)
6.	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7.207.718.247	2.996.866.659
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(22.379.681.413)	(18.966.172.061)
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			

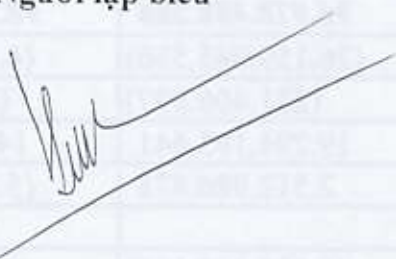
TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		
2.	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	18.378.047.000	15.606.820.200
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(20.338.081.040)	(21.712.985.418)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(27.342.785.430)	(21.458.541.950)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(29.302.819.470)</i>	<i>(27.564.707.168)</i>
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	12.830.124.535	32.680.333.928
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	124.937.770.443	76.246.735.904
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(750)	(209.611)
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	137.767.894.228	108.926.860.221

Ngày 20 tháng 10 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám Đốc






Nguyễn Thị Hồng Liên

Võ Thị Xuân Lan

Bùi Quang Huy

CTY CỔ PHẦN KHO VẠN TẤN CẢNG

Mã số thuế : 0309532497

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, Phường Cát Lái, Quận 2

Mẫu số B 02 - DN

(Ban hành theo TT200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 3 năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3/2016	Quý 3/2017	Lấy kể từ đầu năm đến cuối quý này	
					Năm trước	Năm nay
I	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	121.504.645.116	137.479.739.254	346.803.015.928	399.896.809.790
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		121.504.645.116	137.479.739.254	346.803.015.928	399.896.809.790
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	91.608.689.888	109.598.947.613	259.143.150.806	312.420.578.074
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		29.895.955.228	27.880.791.641	87.659.865.122	87.476.231.716
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.076.271.092	3.462.770.659	2.833.707.228	6.731.279.593
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	3.169.278.818	3.005.151.047	9.292.438.775	8.952.577.612
<i>Trong đó : Chi phí lãi vay</i>	23		<i>3.169.023.030</i>	<i>3.005.151.047</i>	<i>9.289.230.997</i>	<i>8.922.361.186</i>
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	682.612.672	858.444.526	3.336.706.467	3.487.522.169
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	8.760.950.628	9.089.812.799	24.109.283.055	23.660.578.618
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh: {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		18.359.384.202	18.390.153.928	53.755.144.053	58.106.832.910
11. Thu nhập khác	31	VI.7	96.503.573	249.574.348	944.405.547	535.520.036
12. Chi phí khác	32	VI.8	448.959.092	168.838.220	1.038.712.047	351.539.888
13. Lợi nhuận khác : (40 = 31 - 32)	40		(352.455.519)	80.736.128	(94.306.500)	183.980.148
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế: (50=30 +40)	50		18.006.928.683	18.470.890.056	53.660.837.553	58.290.813.058
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		3.601.385.737	3.234.178.011	10.945.110.526	10.815.456.597
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.9			64.391.364	547.982.551

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3/2016		Quý 3/2017		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			4	14.405.542.946	5	15.236.712.045	Năm trước	Năm nay
1	2	3					6	7
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp : 60 = 50 - 51 - 52)	60			14.405.542.946		5	42.651.335.663	46.927.373.910
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.11						

Ngày 20 tháng 10 năm 2017
Giám đốc



Kế toán trưởng

Võ Thị Xuân Lan

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hồng Liên